



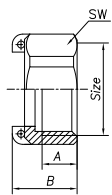
VINA VALVES JOINT STOCK COMPANY

VINA VALVES

OEM FITTINGS

VIETNAM BRASS VALVES
OEM/ODEM LEADER



**ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT** | SPECIFICATION

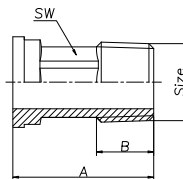
Đai ốc, nổi ren
Nut, Screwed ends.

Đai ốc dùng cho đồng hồ
Nut for water meter

Đường ren tiêu chuẩn BS21/ISO 228-1-2000
BS21/ISO 228-1-2000 Threads standard.

Áp lực làm việc Max. 16 bar
Max. working pressure: 16 bar

Nhiệt độ làm việc Max. 120°C
Max. working temperature: 120°C

**ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT** | SPECIFICATION

Khớp nối đồng hồ, nổi ren ngoài
Tail, Male thread.

Nối đuôi dùng cho đồng hồ
Tail for water meter.

Đường ren tiêu chuẩn BS21/ISO 7-1-1994
BS21/ISO 7-1-1994 Threads standard.

Áp lực làm việc Max. 16 bar
Max. working pressure: 16 bar

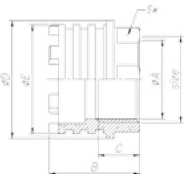
Nhiệt độ làm việc Max. 120°C
Max. working temperature: 120°C

THÔNG SỐ KỸ THUẬT | DIMENSION

Cỡ Size	inch mm	3/4 20	1 25	1.1/4 32	1.1/2 40	2 50	2.1/2 65
Mã SP - code							
A (mm)		11	17	18	18	19	23
B (mm)		18.5	27	27	27	31	31
Sw (mm)		30	37	46	53	69	84
T.lượng-Weight (g)		30	72	98	141	210	445
Cái/ hộp - Pcs/ box							

THÔNG SỐ KỸ THUẬT | DIMENSION

Cỡ Size	inch mm	1/2 15	3/4 20	1 25	1.1/4 32	1.1/2 40	2 50
Mã SP - code							
A (mm)		37	39	46	56	66	76
B (mm)		13.5	16	18.5	21	23	29
Sw (mm)		17	28	30	37	44	55
T.lượng-Weight (g)		48	65	101	175	285	430
Cái/ hộp - Pcs/ box							

REN TRONG - BRASS INSERT FEMALE**ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT** | SPECIFICATION

Ren trong
Female thread.

Dùng làm cốt phụ tùng PPR.

Đường ren tiêu chuẩn BS21/ISO 228-1-2000
BS21/ISO 228-1-2000 Threads standard.

Áp lực làm việc Max. 16 bar
Max. working pressure: 16 bar

REN NGOÀI - BRASS INSERT MALE**ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT** | SPECIFICATION

Ren ngoài
Male thread

Dùng làm cốt phụ tùng PPR.

Đường ren tiêu chuẩn BS21/ISO 7-1-1994
BS21/ISO 7-1-1994 Threads standard.

Áp lực làm việc Max. 16 bar
Max. working pressure: 16 bar

THÔNG SỐ KỸ THUẬT | DIMENSION

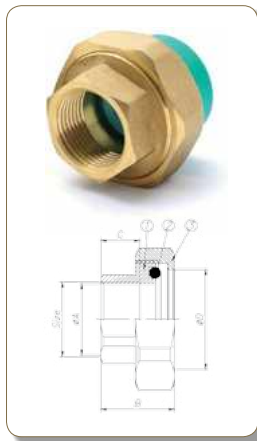
Cỡ Valve	inch mm	1/2 15	3/4 20	1 25	1.1/4 32	1.1/2 40	2 50	2.1/2 65	3 80	4 100
Mã SP - code										
ØA (mm)		15.2	19.7	30.3	36.2	45	45	63	74.5	98
B (mm)		21.5	23.5	35	38.5	42	46	57.5	59	58
C (mm)		15	15	16	16.5	17	27	28	36	42
ØD (mm)		29	34	45.5	54	62	77	92	110	132
ØE (mm)		27	33	42	50	58	76	90	99.4	128
Sw (mm)				39	47	54	68	86	96	122
T.lượng-Weight (g)		45	70	135	190	240	400	620	960	1,340
Cái/hộp - Pcs/box										

THÔNG SỐ KỸ THUẬT | DIMENSION

Cỡ Valve	inch mm	1/2 15	3/4 20	1 25	1.1/4 32	1.1/2 40	2 50	2.1/2 65	3 80	4 100
Mã SP - code										
ØA (mm)		13.5	18.4	24	31	36	46.5	64.5	75.5	103
B (mm)		30	36	37.5	51.5	55	70.5	84	95	91.5
C (mm)		13.5	16	16	14	15	24.5	27	34	36
ØD (mm)		27	34	40	54.5	60	74	91.5	101	131
ØE (mm)		25	30.8	36	52	57	70	87	96	126
Sw (mm)					42	49	64	81	96	122
T.lượng-Weight (g)		55	95	130	253	320	590	960	1310	1750
Cái/hộp - Pcs/box										

**VINA VALVES****VVN VINA VALVES JOINT STOCK COMPANY**

Address: Tân Quang Industrial Zone, Vạn Lam Dist, Hưng Yên Province, Vietnam
Tel : +84 221 3791068 | Web: vanvina.vn | Email: contact@vanvina.vn


ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT | SPECIFICATION

Rắc co ren trong
Female thread union

Đường ren tiêu chuẩn BS21/ISO 228-1-2000
BS21/ISO 228-1-2000 Threads standard.

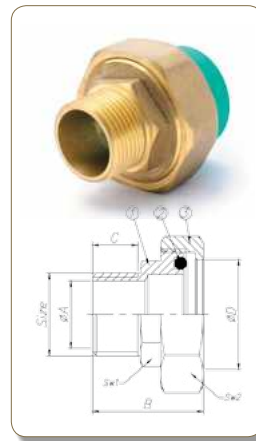
Áp lực làm việc Max. 16 bar
Max. working pressure: 16 bar

Nhiệt độ làm việc Max. 90°C
Max. working temperature: 90°C

No	BỘ PHẬN PARTS	CHẤT LIỆU MATERIAL
1	Nối ống cứng	Đồng - Brass
2	Gioăng - O-Ring	Cao su - NBR
3	Đai ốc	Đồng - Brass

THÔNG SỐ KỸ THUẬT | DIMENSION

Cỡ Size	inch mm	1/2 15	3/4 20	1 25	1.1/4 32	1.1/2 40	2 50
Mã SP - code							
ØA (mm)		18.8	21	30.3	39	45	56.8
B (mm)		27	28	32	38	42	44
C (mm)		12	13	17	17	17	18
ØD (mm)		29.2	34.2	44	53.5	65.5	82.5
Sw1		25	31	39	46	54	66
Sw2		39	45	57	68	83	104
T.lượng-Weight (g)		122	158	311	462	706	1079
Cái/ hộp - Pcs/ box							


ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT | SPECIFICATION

Rắc co ren ngoài
Male thread union

Đường ren tiêu chuẩn BS21/ ISO 7-1-1994
BS21/ISO 7-1-2994 Threads standard.

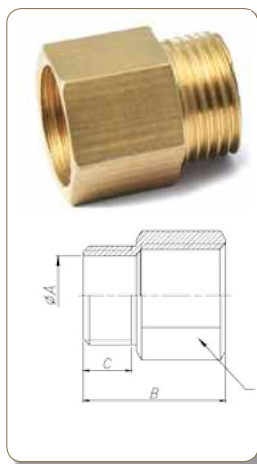
Áp lực làm việc Max. 16 bar
Max. working pressure: 16 bar

Nhiệt độ làm việc Max. 90°C
Max. working temperature: 90°C

No	BỘ PHẬN PARTS	CHẤT LIỆU MATERIAL
1	Nối ống cứng	Đồng - Brass
2	Gioăng - O-Ring	Cao su - NBR
3	Đai ốc	Đồng - Brass

THÔNG SỐ KỸ THUẬT | DIMENSION

Cỡ Size	inch mm	1/2 15	3/4 20	1 25	1.1/4 32	1.1/2 40	2 50
Mã SP - code							
ØA (mm)		15	19.5	27	34	38.5	50
B (mm)		39	39	46	50	52	58.5
C (mm)		14	47	18	18	19	18
ØD (mm)		29	34	44	52.5	65.5	82.5
Sw1		24	27	37	45	54	65
Sw2		39	45	57	68	83	104
T.lượng-Weight (g)		140	173	296	467	736	1089
Cái/ hộp - Pcs/ box							

LỖ ĐỒNG - BRASS BUSHINGS

ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT - SPECIFICATION

Túm, nối ren.
Bushing, Screwed ends.

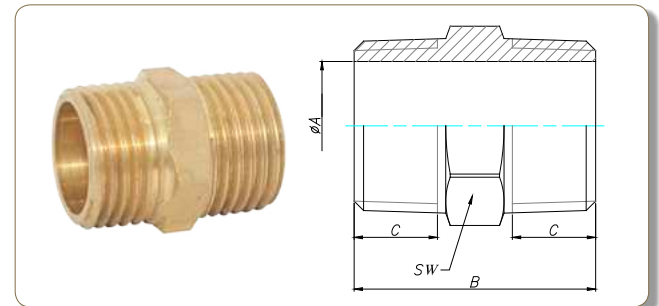
Đường ren tiêu chuẩn BS21/ISO 228-1-2000, BS21/ ISO 7-1-1994
BS21/ISO 228-1-2000 Threads standard, BS21/ISO 7-1-2994 Threads standard.

Áp lực làm việc Max. 16 bar
Max. working pressure: 16 bar

Nhiệt độ làm việc Max. 120°C
Max. working temperature: 120°C

THÔNG SỐ KỸ THUẬT | DIMENSION

Cỡ Size	inch mm	1/2x1/2 15 x 15	3/4x3/4 20x20
Mã SP - code			
ØA (mm)		16.3	21.2
B (mm)		29.8	25
C (mm)		10	8
Sw		23	29
T.lượng-Weight (g)		31	43
Cái/ hộp - Pcs/ box			

KÉP ĐỒNG - BRASS HEXAGON NIPPLES

ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT | SPECIFICATION

Kép nối ren ngoài | Brass hexagon nipples, Screwed ends.

Đường ren tiêu chuẩn BS21/ ISO 7-1-1994
BS21/ISO 7-1-2994 Threads standard.

Áp lực làm việc Max. 16 bar | Max. working pressure: 16 bar

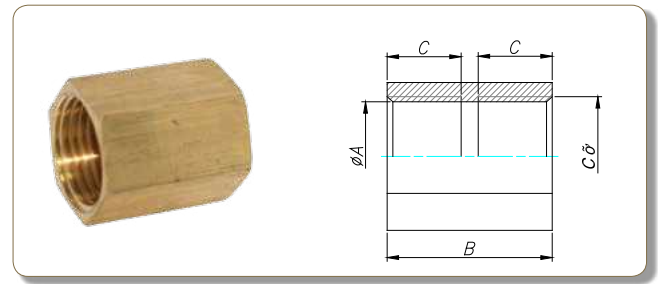
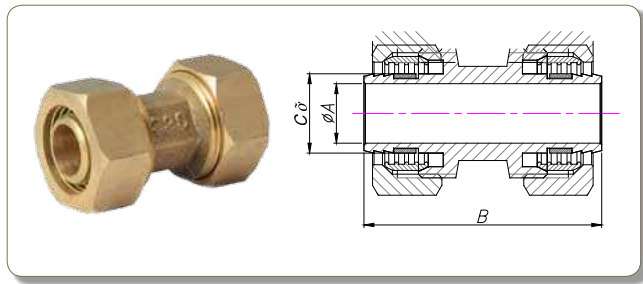
THÔNG SỐ KỸ THUẬT | DIMENSION

Cỡ Size	inch mm	1/2 15	3/4 20	1 25	1.1/4 32
Mã SP - code					
ØA (mm)		16.3	22	26	34
B (mm)		29	35	37	40
C (mm)		10	13	14	14.5
D (mm)		21	27	33	42
T.lượng-Weight (g)		29	49	80	110
Cái/ hộp - Pcs/ box					


VINA VALVES
VVN VINA VALVES JOINT STOCK COMPANY

Address: Tan Quang Industrial Zone, Van Lam Dist, Hung Yen Province, Vietnam

Tel : +84 221 3791068 | Web: vanvina.vn | Email: contact@vanvina.vn



ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT | SPECIFICATION

Măng sông nối ống mềm. | Coupling with hose connector.
 Áp lực làm việc Max. 16 bar | Max. working pressure: 16 bar

THÔNG SỐ KỸ THUẬT | DIMENSION

Cỡ Size	inch mm	1/2 15	
Mã SP - code			
ØA (mm)		12	
B (mm)		48	
T.lượng-Weight (g)		116	
Cái/ hộp - Pcs/ box			

ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT | SPECIFICATION

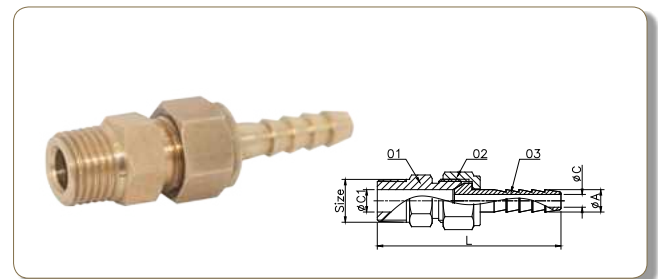
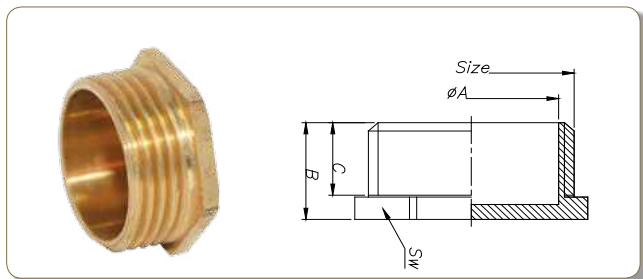
Măng sông đồng. | Brass coupling.
 Đường ren tiêu chuẩn BS21/ISO 228-1-2000
 BS21/ISO 228-1-2000 Threads standard .
 Áp lực làm việc Max. 16 bar | Max. working pressure: 16 bar

THÔNG SỐ KỸ THUẬT | DIMENSION

Cỡ Size	inch mm	1/2 15	3/4 20
Mã SP - code			
ØA (mm)		19.2	24.5
B (mm)		22	23
C (mm)		10	10
Sw (mm)		22.5	29
T.lượng-Weight (g)		26.9	41

NÚT BỊT REN NGOÀI PLUG PLAIN MALE/MALE

BỘ NỐI NHANH ỐNG MỀM REN CÔN NGOÀI SET OF QUICK CONNECT MALE/MALE



ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT | SPECIFICATION

Nút bịt, nối ren. | Brass screw cap.
 Đường ren tiêu chuẩn BS21/ ISO 7-1-1994
 BS21/ISO 7-1-1994 Threads standard .
 Áp lực làm việc Max. 16 bar | Max. working pressure: 16 bar

THÔNG SỐ KỸ THUẬT | DIMENSION

Cỡ Size	inch mm	1/2F 15	3/4F 20
Mã SP - code			
ØA (mm)		16.3	22.5
B (mm)		12	13
C (mm)		9	10
Sw (mm)		20	26.5
T.lượng-Weight (g)		13	18
Cái/ hộp - Pcs/ box			

ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT | SPECIFICATION

Đường ren tiêu chuẩn
 BS21/ ISO 7-1-1994
 BS21/ISO7-1-1994Threadsstandard .
 Áp lực làm việc Max. 16 bar
 Max. working pressure: 16 bar

THÔNG SỐ KỸ THUẬT | DIMENSION

Cỡ Size	inch mm	R1/4" x Ø7 10	R3/4" x Ø21 20	R1" x Ø27 20
Mã SP - code				
ØC (mm)		4	15	20.5
ØC1 (mm)		7	17	23.5
A (mm)		7	21	27
L (mm)		57	87	104.5
T.lượng-Weight (g)		41		
Cái/ hộp - Pcs/ box		14		

No BỘ PHẬN | PARTS CHẤT LIỆU | MATERIAL

No	BỘ PHẬN PARTS	CHẤT LIỆU MATERIAL
1	Thân - Body	Đồng - Brass
2	Đĩa - Nut	Đồng - Brass
3	Nối nhanh - Pipe Connect	Đồng - Brass



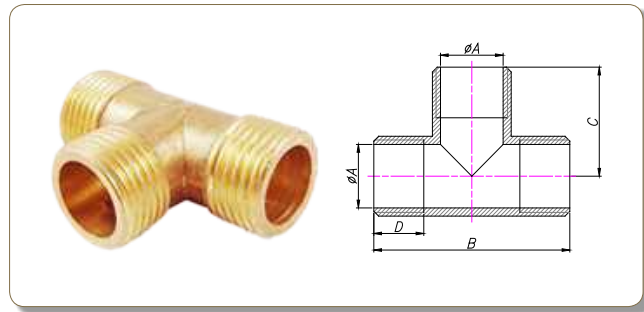
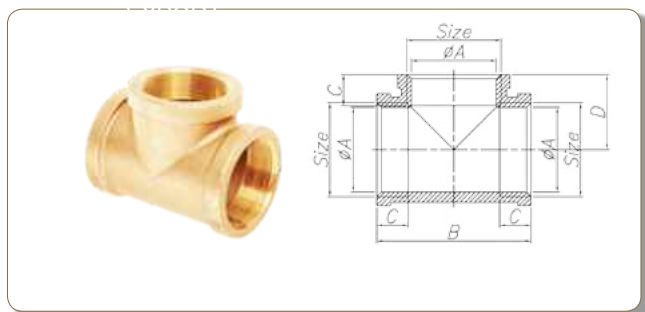
VINA VALVES

VVN VINA VALVES JOINT STOCK COMPANY

Address: Tan Quang Industrial Zone, Van Lam Dist, Hung Yen Province, Vietnam
 Tel : +84 221 3791068 | Web: vanvina.vn | Email: contact@vanvina.vn

TÊ REN TRONG - BRASS TEES, F/F

TÊ REN NGOÀI - BRASS TEES, MALE/MALE



ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT | SPECIFICATION

Tê nối ren trong | Brass tees female/female, Screwed ends.
Đường ren tiêu chuẩn BS21/ISO 228-1-2000
BS21/ISO 228-1-2000 Threads standard .
Áp lực làm việc Max. 16 bar | Max. working pressure: 16 bar

THÔNG SỐ KỸ THUẬT | DIMENSION

Cỡ Size	inch mm	1/2 15	3/4 20
Mã SP - code			
ØA (mm)		19	24
B (mm)		34	44
C (mm)		16.9	22
D (mm)		7	10
T.lượng-Weight (g)		48	
Cái/hộp - Pcs/box			

ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT | SPECIFICATION

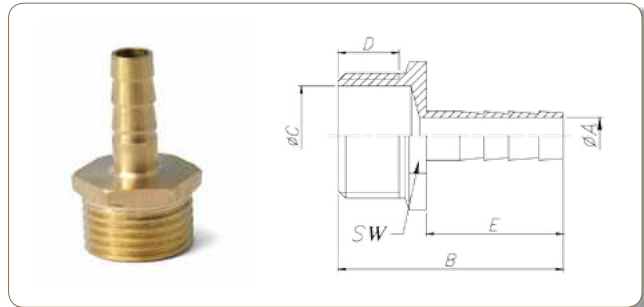
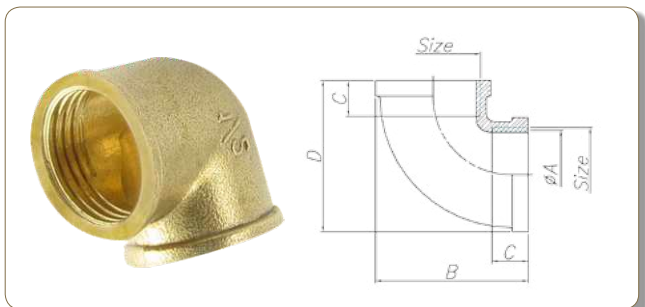
Tê nối ren ngoài | Brass tees male/male, Screwed ends.
Đường ren tiêu chuẩn BS21/ISO 7-1-1994
BS21/ISO 7-1-1994 Threads standard .
Áp lực làm việc Max. 16 bar | Max. working pressure: 16 bar

THÔNG SỐ KỸ THUẬT | DIMENSION

Cỡ Size	inch mm	1/2 15	
Mã SP - code			
ØA (mm)		16.3	
B (mm)		51	
C (mm)		28	
D (mm)		13	
T.lượng-Weight (g)		56	
Cái/hộp - Pcs/box			

CÚT NỐI REN TRONG - EQUAL ELBOWS F/F

NỐI NHANH ỐNG MỀM REN NGOÀI QUICK CONNECT, M/M



ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT | SPECIFICATION

Cút nối ren trong | Equal Elbows, Screwed ends.
Đường ren tiêu chuẩn BS21/ISO 228-1-2000
BS21/ISO 228-1-2000 Threads standard .
Áp lực làm việc Max. 16 bar | Max. working pressure: 16 bar

THÔNG SỐ KỸ THUẬT | DIMENSION

Cỡ Size	inch mm	1/2F 15F	3/4F 20F
Mã SP - code			
ØA (mm)		19.2	24
B (mm)		34.8	43.25
C (mm)		8	12
D (mm)		34.8	43.25
T.lượng-Weight (g)			
Cái/hộp - Pcs/box			

ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT | SPECIFICATION

Nối nhanh ống mềm | Quick connect male/male, Screwed ends
Đường ren tiêu chuẩn BS21/ISO 7-1-1994
BS21/ISO 7-1-1994 Threads standard .
Áp lực làm việc Max. 16 bar | Max. working pressure: 16 bar

THÔNG SỐ KỸ THUẬT | DIMENSION

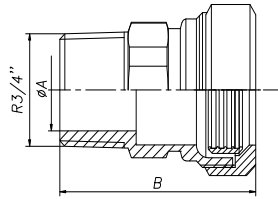
Cỡ Size	inch mm	1/2 x Ø4 15 x Ø4	1/2 x Ø8 15 x Ø8	1/2 x Ø14 15 x Ø14	1/2xØ16 15xØ16	3/4 xØ8 20 x Ø8	3/4 x Ø8 20 x Ø8
ØA (mm)		4.2	6	11.5	13.5	6	15.5
B (mm)		29.5	3	38.5	40.5	43	45
C (mm)		16.3	16.3	15	16.3	21.5	21.5
D (mm)		8.5	10	12	10	13.3	13.3
E (mm)		17	22.5	19.5	24	22.5	24.5
T.lượng-Weight (g)		20	21	21	20	26.5	26.5



VINA VALVES

VVN VINA VALVES JOINT STOCK COMPANY

Address: Tan Quang Industrial Zone, Van Lam Dist, Hung Yen Province, Vietnam
Tel : +84 221 3791068 | Web: vanvina.vn | Email: contact@vanvina.vn



ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT | SPECIFICATION

Khâu nối ống mềm | Male connector

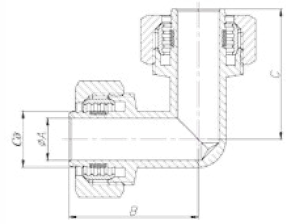
Đường ren tiêu chuẩn BS21/ ISO 7-1-1994

BS21/ISO 7-1-2994 Threads standard .

Áp lực làm việc Max. 16 bar | Max. working pressure: 16 bar

THÔNG SỐ KỸ THUẬT | DIMENSION

Cỡ Size	inch mm	1/2 15
Mã SP - code		
ØA (mm)		12
B (mm)		48
E (mm)		
T.lượng-Weight (g)		116
Cái/hộp - Pcs/box		



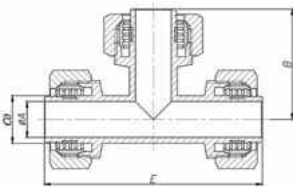
ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT | SPECIFICATION

Cút, nối ống mềm. | Brass union elbows

Áp lực làm việc Max. 16 bar | Max. working pressure: 16 bar

THÔNG SỐ KỸ THUẬT | DIMENSION

Cỡ Size	inch mm	1/2 20
Mã SP - code		
ØA (mm)		12
B (mm)		37
E (mm)		73
T.lượng-Weight (g)		220
Cái/hộp - Pcs/box		



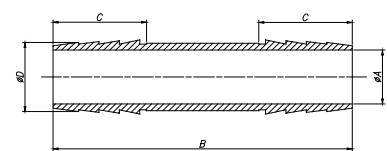
ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT | SPECIFICATION

Tê, nối ống mềm | Brass union tees

Áp lực làm việc Max. 16 bar | Max. working pressure: 16 bar

THÔNG SỐ KỸ THUẬT | DIMENSION

Cỡ Size	inch mm	1/2 20
Mã SP - code		
ØA (mm)		12
B (mm)		37
E (mm)		73
T.lượng-Weight (g)		220
Cái/hộp - Pcs/box		



ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT | SPECIFICATION

Nối nhanh ống mềm. | Quick connect.

Áp lực làm việc Max. 16 bar | Max. working pressure: 16 bar

THÔNG SỐ KỸ THUẬT | DIMENSION

Cỡ Size	inch mm	Ø22
Mã SP - code		
ØA (mm)		16
B (mm)		88
C (mm)		28
D (mm)		22
T.lượng-Weight (g)		
Cái/ hộp - Pcs/ box		



VINA VALVES

VVN VINA VALVES JOINT STOCK COMPANY

Address: Tan Quang Industrial Zone, Van Lam Dist, Hung Yen Province, Vietnam

Tel : +84 221 3791068 | Web: vanvina.vn | Email: contact@vanvina.vn